

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 154 /GPMT-UBND

Hung Yên, ngày 19 tháng 03 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét văn bản số 04/CV-LH ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa tư nhân Lâm Hoa về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện đa khoa Lâm Hoa Hưng Hà và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 195/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện đa khoa tư nhân Lâm Hoa, địa chỉ tại số 239, đường Ngô Quyền, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện đa khoa Lâm Hoa Hưng Hà tại thôn Đồng Lạc, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa Lâm Hoa Hưng Hà.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Đồng Lạc, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa tư nhân Lâm Hoa - Hưng Hà tại xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình của Bệnh viện đa khoa tư nhân Lâm Hoa. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 184/BYT-GPHĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 do Bộ trưởng Bộ Y tế cấp.

1.4. Mã số thuế: 1000441454-001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích đất sử dụng: 4.748,9 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Công suất: 36 giường bệnh (theo Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ)).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện đa khoa tư nhân Lâm Hoa.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện đa khoa tư nhân Lâm Hoa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định

của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm PVHCC - Cơ sở 2 (trả kết quả);
- UBND xã Hưng Hà;
- Bệnh viện đa khoa tư nhân Lâm Hoa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải công khai);
- Lưu: VT, KT2^{Thin}.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
09/03/2026 16:15:24

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **154** /GPMT-UBND ngày **19** tháng **03** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Phát sinh từ khu phòng xét nghiệm.
- + Nguồn số 02: Phát sinh từ khu vực giặt là, chống nhiễm khuẩn.
- + Nguồn số 03: Phát sinh từ khu phòng khám.
- + Nguồn số 04: Phát sinh từ khu nhà điều trị.
- + Nguồn số 05: Phát sinh từ nhà vệ sinh chung.
- + Nguồn số 06: Phát sinh từ khu nhà căn tin.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng nước thải y tế sau khi xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương nội đồng giáp cơ sở.

2.3. Vị trí xả nước thải: Mương nội đồng tại thôn Đồng Lạc, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên.

- Tọa độ xả thải: $X(m) = 2276671.93$; $Y(m) = 577393.35$

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $25 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (24 giờ).

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý được bơm cưỡng bức qua đường ống PVC D75 xả vào mương nội đồng tại thôn Đồng Lạc, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả cưỡng bức, liên tục 24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A), cụ thể:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2025/BTNMT (Cột A)	Quan trắc định kỳ/quan trắc tự động
01	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ, quan trắc nước thải tự động, liên tục
02	BOD ₅	mg/l	≤ 40	
03	COD	mg/l	≤ 65	
04	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 40	
05	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 5	
06	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	≤ 5	
07	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤ 3.000	
08	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 20	
09	Tổng Phốt pho	mg/l	≤ 4	
10	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 3	
11	Clo dư	mg/l	≤ 1	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ khu vực xét nghiệm sẽ được thu gom vào đường ống nhựa uPVC D60 dẫn về hệ thống XLNT tập trung.

- Nguồn số 2: Nước thải từ khu vực giặt là, chống nhiễm khuẩn được thu gom bằng đường ống uPVC D110 dẫn về hệ thống XLNT tập trung.

- Nguồn số 03, 04, 05, 06: Nước thải từ khu phòng khám; từ khu nhà điều trị; từ nhà vệ sinh chung và từ khu nhà căng tin của BV: được thu gom bằng đường ống uPVC D90, dẫn về các bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống nhựa uPVC D110m.

1.2. Hệ thống xử lý nước thải của dự án:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nguồn số 01, 02 và nước thải từ nguồn số 03, 04, 05, 06 được xử lý sơ bộ → Bể gom, điều hòa nước thải → Hệ thống xử lý nước thải hợp khối (Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn màng lọc MBR → Ngăn khử trùng) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 25 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorin viên nén (200g) (để khử trùng nước thải), Dung dịch Javen (để rửa màng lọc MBR).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

- Kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

1.4.2. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Biện pháp phòng ngừa: Tuân thủ đúng các bước vận hành của trạm xử lý nước thải, lập sổ theo dõi, ghi chép hoạt động của trạm hàng ngày, ghi chép cụ thể tình trạng và các biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố, nạo vét bùn thải định kỳ, trang bị máy phát điện và các thiết bị dự phòng đảm bảo trạm xử lý nước thải hoạt động bình thường trong trường hợp gặp sự cố mất điện.

- Biện pháp ứng phó: Dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, đóng van xả nước thải từ hệ thống xử lý ra ngoài môi trường; lưu chứa nước thải trong bể gom nước thải và thiết bị hợp khối, tổng thể tích lưu chứa khoảng 46,16 m³ để chờ khắc phục sự cố trong vòng 24 - 48 giờ; lắp đặt 02 bể dự phòng bằng bạt, khung thép thể tích 25 m³/bể để lưu chứa nước thải tạm thời, tiến hành kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố, bơm nước thải từ bể bạt dự phòng về bể gom để xử lý lại nước thải, đồng thời tiến hành lấy mẫu kiểm chứng nước thải để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải, khi nước thải đạt cột A, QCVN 40:2025/BTNMT mới được xả thải ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm đầu vào, 01 điểm đầu ra tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục 2.4.3 phần A Phụ lục này.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT (cột A).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Điều 14 Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

3.3. Thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải không đạt tiêu chuẩn ra ngoài môi trường. 

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **175** /GPMT-UBND ngày **19** tháng **03** năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (khi máy hoạt động).
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X(m) = 2276656.844; Y(m) = 577312.523.
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X(m) = 2276655.180; Y(m) = 577360.384.
(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn: Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00 (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	
1	50	45	40	Khu vực A

Trong đó cho phép điều chỉnh ngưỡng quy định giá trị giới hạn trên theo thời gian phát ra tiếng ồn theo quy định tại bảng 2 của QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

3.2. Độ rung: Quy chuẩn áp dụng: QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)	
1	60	55	Khu vực A

Trong đó cho phép điều chỉnh ngưỡng quy định giá trị giới hạn trên theo thời gian phát ra độ rung theo quy định tại bảng 2 của QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện được đặt trong phòng máy riêng, cách biệt khu văn phòng, khu vực khám chữa bệnh và các khu vực nhạy cảm khác.

- Trồng cây xanh tại hầu hết các khu đất trống trong khu vực Bệnh viện, giữa các khu vực chức năng, trồng các loại cây xanh vừa tạo cảnh quan, lấy bóng mát, vừa góp phần giảm bụi, tiếng ồn cho Bệnh viện.

- Các phòng khám, phòng chờ khám và phòng bệnh đều được thiết kế chống ồn, có các cửa kính, tường gạch dày.

- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. 

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 154 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 08 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn, không sắc nhọn)	13 01 01	3.837
2	Các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc thiết bị điện	16 01 13	5
3	Dầu thải	17 02 03	10
	Tổng		3.852

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chai lọ thủy tinh, chai nhựa, dây truyền, các vật liệu nhựa, bơm tiêm không dính máu, chất thải hoạt động văn phòng (bìa carton, túi đựng phim...)	2,12
2	Bùn cặn từ bể tự hoại	8,4
3	Bùn thải tại trạm xử lý nước thải	1,3
	Tổng	11,82

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt (Tã, giấy vệ sinh, giấy ăn, vỏ bao bì đựng thức ăn...)	75,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Sử dụng các thùng chứa chuyên dụng đáp ứng yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: 01 kho lưu chứa.

+ Diện tích: 12,74 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa có kết cấu bằng khung thép, mái tôn, sàn bê tông, cửa ra vào, biển báo, kho kín, không rò rỉ, phát tán các loại chất thải ra ngoài môi trường xung quanh.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển báo, dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thu gom, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất rắn y tế thông thường:

- Khu vực lưu chứa: 01 kho lưu giữ diện tích 10,6 m²; có kết cấu bằng khung thép, mái tôn, sàn bê tông, cửa ra vào, biển báo, kho kín, không rò rỉ, phát tán các loại chất thải ra ngoài môi trường xung quanh.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bùn nạo vét hệ thống thoát nước mưa, bùn cặn từ bể tự hoại, bùn từ hệ thống xử lý nước thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý; không lưu giữ tại kho.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Sử dụng các thùng rác bằng nhựa chuyên dụng loại 120 lít có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Kho lưu giữ: 01 kho lưu chứa.

+ Diện tích: 8,36 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa có kết cấu bằng khung thép, mái tôn, sàn bê tông, cửa ra vào, biển báo, kho kín, không rò rỉ, phát tán các loại chất thải ra ngoài môi trường xung quanh.

- Chất thải rắn sinh hoạt thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý bảo đảm vệ sinh môi trường theo quy định; tần suất thu gom, vận chuyển 01 lần/ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

2. Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp lồng ghép, tích hợp kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 7 Quy chế ứng phó sự cố chất thải được ban hành kèm theo Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ. 

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 154 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 08 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại môi trường do cơ sở gây ra theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.
3. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời áp dụng các biện pháp tiên tiến nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành cơ sở.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
5. Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
8. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật. ✓